TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2023/QĐST-DS	*Xuyên Mộc, ngày 08 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 230/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1-Nguyên đơn: **Bà Trần Thị N**, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp P, xã Hòa Hiệp, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

1.2-Bị đơn: Ông **Nguyễn Đăng H**, snh năm 1980; hộ khẩu thường trú: khu phố L, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; địa chỉ liên hệ: ấp P, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về hợp đồng đặt cọc:

Hủy hợp đồng đặt cọc đã ký kết ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa bên bán ông Nguyễn Đăng H, bên mua Bà Trần Thị N.

Ông Nguyễn Đăng H trả lại cho Bà Trần Thị N số tiền đặt cọc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) vào ngày 01/4/2023.

2.2.Về án phí:

Ông Nguyễn Đăng H chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Trần Thị N phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0011429 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Như vậy, Bà Trần Thị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 4.850.000đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

2.3.Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Xuyên Mộc;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Phạm Minh Sơn